

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2010	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	13 - 28
8. Phụ lục	29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Hóa An được thành lập theo Quyết định số 47/2000/QĐ – TTg ngày 18 tháng 4 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty khai thác đá và vật liệu xây dựng Hóa An thuộc Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 thành Công ty Cổ phần Hoá An. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 4703000008 ngày 08 tháng 6 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Ngày 08 tháng 3 năm 2004, Công ty đã nhận được Giấy phép phát hành chứng khoán ra công chúng số 30/GPPH do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Từ ngày 15 tháng 4 năm 2004, cổ phiếu của Công ty (viết tắt DHA) đã được chính thức giao dịch trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam.

Vốn điều lệ	VND	Tỷ lệ (%)
Cổ đông		
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1	23.037.870.000	22,81
Các cổ đông khác	77.958.830.000	77,19
Cộng	100.996.700.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
 Điện thoại : (84.061) 3954458 - 3954491
 Fax : (84.061) 3954754
 Mã số thuế : 3 6 0 0 4 6 4 4 6 4

Hoạt động chính của Công ty là:

- Khai thác và chế biến khoáng sản.
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, vật tư kỹ thuật, thiết bị xây dựng.
- Đầu tư và kinh doanh hạ tầng, nhà ở, bến bãi, kho tàng.
- Nhận thầu xây lắp công trình dân dụng công nghiệp, giao thông thủy lợi.
- Dịch vụ vận chuyển du lịch, công nghệ khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng và xuất khẩu lao động, chuyên gia trong lĩnh vực xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang ... đến trang ...).

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 22 tháng 4 năm 2010, Công ty phân phối lợi nhuận của năm 2009 và tạm ứng cổ tức năm 2010 như sau:

- Phân phối lợi nhuận năm 2009:
 - Trích quỹ đầu tư phát triển 23.937.367.938 VND
 - Chia cổ tức 30.240.937.000 VND
 - Trích quỹ dự phòng tài chính 3.395.070.158 VND
 - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 7.000.000.000 VND
 - Trích quỹ khác 3.328.028.063 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Phương Tùng	Chủ tịch	25 tháng 4 năm 2003	-
Ông Trần Văn Tê	Thành viên	25 tháng 4 năm 2004	-
Ông Lại Duy Hồng	Thành viên	25 tháng 4 năm 2003	-
Ông Đinh Lê Chiến	Thành viên	25 tháng 4 năm 2004	-
Bà Lê Thị Quyết	Thành viên	08 tháng 4 năm 2005	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Công Hạnh	Trưởng ban	25 tháng 4 năm 2003	-
Ông Phan Văn Quang	Thành viên	25 tháng 4 năm 2004	-
Ông Nguyễn Văn Lương	Thành viên	24 tháng 4 năm 2009	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lại Duy Hồng	Tổng Giám đốc	01 tháng 6 năm 2004	-
Ông Trịnh Tiến Bày	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 6 năm 2004	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính và kỳ kế toán. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

10/2010
CÔNG
CH NHIỆ
KIỂM T
TƯ V
TP H

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và các dòng lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Lại Duy Hồng
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 8 năm 2010.





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0847/2010/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2010 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN**

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty cổ phần Hóa An gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, được lập ngày 26 tháng 7 năm 2010, từ 06 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi nhận thấy Công ty chưa tiến hành xem xét đánh giá để trên cơ sở đó có thể xác định được sự cần thiết trích lập đầy đủ dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính.

Ngoài vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0085 /KTV

Nguyễn Mai Tiểu Hương - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0191 /KTV

TP. Hồ Chí Minh ngày 23 tháng 8 năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Địa chỉ: Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		135.314.549.438	137.544.870.827
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	18.628.560.022	25.326.224.830
1. Tiền	111		14.128.560.022	10.677.090.583
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.500.000.000	14.649.134.247
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		34.891.985.433	44.939.749.157
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	34.891.985.433	45.292.874.157
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	-	(353.125.000)
III. Các khoản phải thu	130		33.062.171.987	32.265.921.894
1. Phải thu của khách hàng	131	V.4	20.340.388.714	11.846.564.186
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	8.151.944.827	7.568.880.423
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	6.991.791.629	15.272.430.468
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.7	(2.421.953.183)	(2.421.953.183)
IV. Hàng tồn kho	140		36.091.630.090	26.247.090.039
1. Hàng tồn kho	141	V.8	36.512.460.199	26.667.920.148
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(420.830.109)	(420.830.109)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.640.201.906	8.765.884.907
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	498.658.600	229.576.589
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	442.141
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		37.798.629	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	12.103.744.677	8.535.866.177

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Địa chỉ: Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		242.975.135.244	210.739.708.035
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	210		167.997.479.586	153.289.602.664
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	16.613.951.422	13.833.694.413
<i>Nguyên giá</i>	222		46.144.885.793	41.966.271.105
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(29.530.934.371)	(28.132.576.692)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	13.073.671.049	13.349.245.049
<i>Nguyên giá</i>	228		17.452.939.542	17.452.939.542
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.379.268.493)	(4.103.694.493)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	138.309.857.115	126.106.663.202
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		58.475.120.813	55.867.190.353
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	244.630.468	244.630.468
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	61.355.912.982	58.293.454.982
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	V.17	(3.125.422.637)	(2.670.895.097)
V. Tài sản dài hạn khác	260		16.502.534.845	1.582.915.018
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	16.502.534.845	1.582.915.018
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		378.289.684.682	348.284.578.862

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Địa chỉ: Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		63.940.097.985	28.041.158.317
I. Nợ ngắn hạn	310		62.182.718.895	26.250.581.702
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	4.300.000.000	-
2. Phải trả người bán	312	V.20	6.998.177.106	5.047.777.496
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	576.898.970	1.089.024.148
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	21.845.386.385	15.798.017.703
5. Phải trả người lao động	315	V.23	4.346.371.449	2.542.824.115
6. Chi phí phải trả	316	V.24	1.495.544.951	1.494.629.776
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	21.412.177.683	827.949.530
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.26	1.208.162.351	(549.641.066)
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	320		1.757.379.090	1.790.576.615
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.27	1.757.379.090	1.790.576.615
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		314.349.586.697	320.243.420.545
I. Vốn chủ sở hữu	410		314.349.586.697	320.243.420.545
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.28	100.996.700.000	100.996.700.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.28	108.601.176.000	108.601.176.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.28	(1.298.220.000)	(1.298.220.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.28	60.288.836.191	36.351.468.253
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.28	11.085.963.291	7.690.893.133
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.28	34.675.131.215	67.901.403.159
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		378.289.684.682	348.284.578.862



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Địa chỉ: Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-	-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-	-

Đồng Nai, ngày 26 tháng 7 năm 2010

Trần Sỹ Phúc
Người lập biểu

Lê Thị Quyết
Kế toán trưởng



Lại Duy Hồng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Địa chỉ: Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	117.287.762.242	84.525.118.547
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL1	117.287.762.242	84.525.118.547
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	66.124.102.844	48.827.240.372
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		51.163.659.398	35.697.878.175
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	8.462.875.764	6.302.513.359
7. Chi phí tài chính	22	VL4	1.075.750.416	631.754.013
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10.200.000	602.860.843
8. Chi phí bán hàng	24	VL5	4.536.219.936	2.964.715.008
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL6	7.931.673.058	5.589.711.675
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		46.082.891.752	32.814.210.838
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		46.082.891.752	32.814.210.838
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	11.407.760.537	5.436.083.159
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>34.675.131.215</u>	<u>27.378.127.679</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.7	<u>3.453</u>	<u>2.727</u>

Đồng Nai, ngày 26 tháng 7 năm 2010


Trần Sỹ Phúc
Người lập biểu

Lê Thị Quyết
Kế toán trưởngLại Duy Hồng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Địa chỉ: Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		46.082.891.752	32.814.210.838
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	VI.8,9	1.673.931.679	1.585.942.571
- Các khoản dự phòng	03		101.402.540	(310.400.710)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.911.166.800)	(6.273.620.189)
- Chi phí lãi vay	06	VI.20	10.200.000	602.860.843
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		39.957.259.171	28.418.993.353
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.767.011.081)	19.704.241.367
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.844.540.051)	(7.384.234.960)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(9.699.506.190)	(4.395.812.347)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.367.805.413	596.873.467
- Tiền lãi vay đã trả	13		(10.200.000)	(602.860.843)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5.436.083.159)	(940.641.399)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(5.242.196.583)	(3.188.457.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.325.527.520	32.208.101.638
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(31.350.815.852)	(31.376.392.924)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.900.000.000)	(480.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.256.181.724	4.756.859.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.124.908.000)	(525.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		14.107.157.000	18.846.341.130
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.689.192.800	6.302.513.359
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(18.323.192.328)	(2.475.679.435)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Địa chỉ: Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		8.300.000.000	25.207.940.320
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4.000.000.000)	(32.436.839.796)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(10.040.937.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>4.300.000.000</u>	<u>(17.269.836.476)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(6.697.664.808)	12.462.585.727
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	VI.1	25.326.224.830	6.878.327.998
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VI.1	<u>18.628.560.022</u>	<u>19.340.913.725</u>

Đồng Nai, ngày 26 tháng 7 năm 2010

Trần Sỹ Phúc
Người lập biểu

Lê Thị Quyết
Kế toán trưởng



Lại Duy Hồng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại, khách sạn,...
- Ngành nghề kinh doanh** : Khai thác và chế biến khoáng sản; sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
- Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4-11-
TY
HỮU H
ÁN VÀ
/ÁN
5 CHI

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc và thiết bị	6 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh số IV.5.

7. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 25 năm.

Riêng quyền sử dụng đất tại mỏ đá Suối Trầu, Công ty không tiến hành trích khấu hao vì toàn bộ đất đai và các tài sản khác liên quan đến mỏ đá Suối Trầu đang nằm trong quy hoạch chờ giải toả và sẽ nhận đền bù theo dự án đầu tư cơ sở hạ tầng của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Các chi phí khác

Các chi phí khác được phân bổ căn cứ theo thời hạn sử dụng ước tính của chi phí này.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Chi phí phục hồi môi trường được trích theo số liệu đã được chấp thuận tại Công văn 11/TC/TCĐN ngày 08 tháng 01 năm 2004 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Đối với thu nhập từ dự án mỏ đá Núi Gió (mỏ đá này đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản dở dang) tại xã Tân Lợi, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.235.494.534	3.026.483.211
Tiền gửi ngân hàng	10.893.065.488	7.650.607.372
Các khoản tương đương tiền	4.500.000.000	14.649.134.247
Cộng	<u>18.628.560.022</u>	<u>25.326.224.830</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (a)	20.470.587.741	34.515.294.741
Đầu tư tài chính ngắn hạn (b)	14.421.397.692	10.777.579.416
Cộng	<u>34.891.985.433</u>	<u>45.292.874.157</u>

a. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn				
Công ty Xuất nhập khẩu Khánh Hội	9	322.341	9	322.341
Công ty Cổ phần Xây dựng Trang trí Kiến trúc ADC (*)	903.550	11.131.736.000	903.550	11.131.736.000
Công ty Lương thực và Công nghiệp thực phẩm (*)	6.613	510.000.000	6.613	510.000.000
Công ty Cổ phần gạch Terrazzo Sài Gòn (*)	6.000	600.000.000	6.000	600.000.000
Xí nghiệp giống cây trồng (*)	108.740	1.075.809.400	108.740	1.075.809.400
Công ty Cổ phần Chế biến Kinh doanh Nông sản (*)	-	-	50.924	7.173.632.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp (*)	120.000	3.252.000.000	120.000	3.252.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (*)	-	-	133.200	2.903.700.000
Công ty Cổ phần TM-DV Xây dựng (*)	260.000	3.900.000.000	260.000	3.900.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ FPT	-	-	45.750	3.967.375.000
Các công ty khác	10	720.000	10	720.000
Cộng		<u>20.470.587.741</u>		<u>34.515.294.741</u>

(*) Các chứng khoán này chưa niêm yết.

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chế biến Kinh doanh Nông sản: giảm do bán toàn bộ cổ phiếu đã đầu tư.
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công ty Cổ phần TM-DV Xây dựng: giảm do bán toàn bộ cổ phiếu đã đầu tư.
- Cổ phiếu Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ FPT: giảm do bán toàn bộ cổ phiếu đã đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

b. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Cho nhân viên Công ty và các cá nhân, đơn vị cung cấp dịch vụ cho Công ty vay nhằm mục đích hỗ trợ các cá nhân, đơn vị này phục vụ tốt cho Công ty.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cửa hàng VLXD Nguyễn Thị Tính	2.940.064.593	2.352.682.055
Công ty Cổ phần Hóa An cát nhân tạo	6.400.994.820	3.780.065.351
DNTN Đăng Anh	970.710.620	990.376.620
Công ty TNHH Lợi Lộc	1.296.284.481	498.983.529
Công ty TNHH MTV Đại Phú Cường	4.708.054	549.679.004
DNTN Thuận Tấn Phát	789.322.374	362.976.870
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Vũ Phong	1.104.470.970	-
Công ty TNHH MTV Công Minh	310.098.146	-
Vũ Thị Xuân	1.106.291.960	2.957.349
Bùi Thị Nhung	697.632.678	57.851
Dương Thị Hằng	814.822.402	2.316.756
Các khách hàng khác	3.904.987.616	3.306.468.801
Cộng	<u>20.340.388.714</u>	<u>11.846.564.186</u>

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Liên đoàn bán đồ địa chất Miền Nam	-	650.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc FiCo	-	2.500.000.000
Trung tâm chuyển giao công nghệ và dịch vụ địa chất	820.000.000	820.000.000
Cty TNHH Dịch vụ - Thương mại Vũ Phong (TT)	5.816.181.831	200.698.020
Công ty TNHH An Lộc	-	862.852.440
Châu Văn Tiết	560.000.000	900.000.000
Cty TNHH Xây dựng điện Đại Phúc Thiên	542.813.135	-
DNTN Hồng Lộc	192.108.424	459.726.723
Công ty TNHH Thiết Bị Điện Tài An	-	551.200.000
Các khách hàng khác	220.841.437	624.403.240
Cộng	<u>8.151.944.827</u>	<u>7.568.880.423</u>

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi dự thu của các khoản cho vay ngắn hạn	3.872.556.542	3.071.774.542
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế nộp thừa	71.703.866	24.533.253
Các khoản phải thu khác	3.047.531.221	12.176.122.673
Cộng	<u>6.991.791.629</u>	<u>15.272.430.468</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công nợ phải thu khách hàng	1.846.890.419	1.846.890.419
Các khoản phải thu khác	575.062.764	575.062.764
Cộng	<u>2.421.953.183</u>	<u>2.421.953.183</u>

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên vật liệu tồn kho	1.195.495.103	1.243.420.103
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	29.039.411.023	20.907.449.598
Thành phẩm	6.277.554.073	4.517.050.447
Cộng	<u>36.512.460.199</u>	<u>26.667.920.148</u>

9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho theo tỷ lệ 20% giá trị vật tư ít luân chuyển.

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí bóc đá phong hóa	229.576.589	185.881.990	(384.478.249)	30.980.330
Chi phí làm đường hạ bơm xí nghiệp 1	-	355.772.466	(355.772.466)	-
Chi phí thuê đất đổ đá	-	333.880.400	(166.940.202)	166.940.198
Chi phí làm đường khu vực bờ bao mỏ Hóa An	-	421.033.300	(120.295.228)	300.738.072
Cộng	<u>229.576.589</u>	<u>1.296.568.156</u>	<u>(1.027.486.145)</u>	<u>498.658.600</u>

11. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng cho nhân viên và các đội sản xuất của Công ty.

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	12.662.591.040	25.269.557.638	3.260.571.776	773.550.651	41.966.271.105
Mua sắm mới	36.363.636	3.074.833.909	1.067.417.143	-	4.178.614.688
Số cuối kỳ	<u>12.698.954.676</u>	<u>28.344.391.547</u>	<u>4.327.988.919</u>	<u>773.550.651</u>	<u>46.144.885.793</u>
<i>Tài sản đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng</i>	499.801.026	5.320.716.318	510.083.360	411.513.000	6.742.113.704
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	5.083.023.136	20.950.824.242	1.541.343.833	557.385.481	28.132.576.692
Khấu hao trong kỳ	230.466.155	802.455.662	318.158.646	47.277.216	1.398.357.679
Số cuối kỳ	<u>5.313.489.291</u>	<u>21.753.279.904</u>	<u>1.859.502.479</u>	<u>604.662.697</u>	<u>29.530.934.371</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	<u>7.579.567.904</u>	<u>4.318.733.396</u>	<u>1.719.227.943</u>	<u>216.165.170</u>	<u>13.833.694.413</u>
Số cuối kỳ	<u>7.385.465.385</u>	<u>6.591.111.643</u>	<u>2.468.486.440</u>	<u>168.887.954</u>	<u>16.613.951.422</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Tạm thời chưa sử dụng</i>	-	-	-	-	-
<i>Đang chờ thanh lý</i>	-	-	-	-	-

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Chi phí khảo sát mỏ đá Suối Trầu</u>	<u>Chi phí liên quan đến quyền sử dụng đất</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	<u>3.674.332.565</u>	<u>13.778.606.977</u>	<u>17.452.939.542</u>
Số cuối kỳ	<u>3.674.332.565</u>	<u>13.778.606.977</u>	<u>17.452.939.542</u>
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	<u>2.230.581.278</u>	<u>1.873.113.215</u>	<u>4.103.694.493</u>
Khấu hao trong kỳ	<u>-</u>	<u>275.574.000</u>	<u>275.574.000</u>
Số cuối kỳ	<u>2.230.581.278</u>	<u>2.148.687.215</u>	<u>4.379.268.493</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	<u>1.443.751.287</u>	<u>11.905.493.762</u>	<u>13.349.245.049</u>
Số cuối kỳ	<u>1.443.751.287</u>	<u>11.629.919.762</u>	<u>13.073.671.049</u>

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mỏ đá Núi Gió	4.957.019.275	7.641.550.254	-	12.598.569.529
Mỏ đá Thường Tân	7.631.568.955	200.000.000	-	7.831.568.955
Mỏ đá Tân Cang 3	59.961.944.378	2.258.441.535	-	62.220.385.913
Mỏ đá Thiện Tân	36.450.355.594	16.644.565.000	(23.087.876)	53.071.832.718
Chi phí liên quan đến quyền sử dụng đất tại Xí nghiệp 1	17.105.775.000	427.644.375	(17.533.419.375)	-
Chi phí liên quan đến quyền sử dụng đất tại Cần Thơ	-	2.587.500.000	-	2.587.500.000
Cộng	<u>126.106.663.202</u>	<u>29.759.701.164</u>	<u>(17.556.507.251)</u>	<u>138.309.857.115</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Hóa An cát nhân tạo. Công ty này hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000471 ngày 25 tháng 12 năm 2007 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp với vốn điều lệ là 3.000.000.000 VND, trong đó Công ty Cổ phần Hóa An đầu tư 20% vốn. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty Cổ phần Hóa An đã đầu tư 244.630.468 VND tương đương 8,15%.

16. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<i>Đầu tư chứng khoán của các công ty cổ phần</i>		18.817.340.000		18.817.340.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn	150.000	1.357.500.000	150.000	1.357.500.000
Công ty gạch ngói Đồng Nai	675.000	9.000.000.000	675.000	9.000.000.000
Công ty cơ khí xây dựng Tân Định	843.984	8.459.840.000	843.984	8.459.840.000
<i>Trái phiếu các loại</i>		41.000.000		41.000.000
Trái phiếu giao thông		5.000.000		5.000.000
Trái phiếu chính phủ		36.000.000		36.000.000
<i>Cho Xí nghiệp đá Thống Nhất vay</i>		-		62.450.000
<i>Đầu tư góp vốn dưới 20%</i>		31.699.999.900		28.575.091.900
Công ty Cổ phần Xi măng Fico Tây Ninh		30.249.999.900		27.125.091.900
Công ty Cổ phần du lịch Phú Yên		1.450.000.000		1.450.000.000
<i>Hợp đồng hợp tác kinh doanh mỏ đá Suối Trầu</i>		8.316.501.082		8.316.501.082
<i>Hợp đồng hợp tác kinh doanh Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh VLXD Fico</i>		2.481.072.000		2.481.072.000
Cộng		61.355.912.982		58.293.454.982

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác:

- Công ty Công ty Cổ phần Xi măng Fico Tây Ninh: tăng do đầu tư thêm.
- Công ty Xí nghiệp đá Thống Nhất: giảm do chuyển sang phải thu khách hàng.

17. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	3.125.422.637	2.670.895.097
Cộng	3.125.422.637	2.670.895.097

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Kì này	Kì trước
Số dư đầu năm	2.670.895.097	1.353.415.614
Số trích lập trong kỳ	454.527.540	-
Số dư cuối kỳ	3.125.422.637	1.353.415.614

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD	Số cuối kỳ
Chi phí làm đường vào mỏ	5.116.266	-	(5.116.266)	-
Chi phí bốc đất tầng phủ mỏ đá Thường Tân	956.180.419	-	(254.844.558)	701.335.861
Chi phí đền bù cho dân	206.655.146	-	(53.910.036)	152.745.110
Chi phí liên quan đến quyền sử dụng đất xí nghiệp 1 đến thời hạn 2013	-	17.533.419.375	(2.191.677.420)	15.341.741.955
Chi phí sửa chữa trạm cân	414.963.187	-	(108.251.268)	306.711.919
Chi phí hỗ trợ dân do bụi đường	-	1.730.000	(1.730.000)	-
Cộng	1.582.915.018	17.535.149.375	(2.615.529.548)	16.502.534.845

19. Vay và nợ ngắn hạn

Khoản vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương – Chi nhánh Đồng Nai để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất tiền vay 15,5%/năm. Thời hạn vay từ 1 đến 3 tháng.

Chi tiết về số phát sinh trong kỳ như sau:

Số đầu năm	-
Vay trong kỳ	8.300.000.000
Thanh toán trong kỳ	(4.000.000.000)
Số cuối kỳ	4.300.000.000

20. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
DNTN Bắc Hồng Phương	1.473.598.632	1.513.229.071
DNTN Xuân Chiến	99.127.585	670.332.014
DNTN Đào Bình Minh	587.041.161	276.933.654
DNTN Tia Sáng	317.727.040	321.775.339
DNTN Thông Thuần	436.128.667	83.108.633
DNTN Minh Hiếu	291.496.048	205.037.621
Các nhà cung cấp khác	3.793.057.973	1.977.361.164
Cộng	6.998.177.106	5.047.777.496

21. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Hữu Trọng	488.081.600	988.847.800
Các khách hàng khác	88.817.370	100.176.348
Cộng	576.898.970	1.089.024.148

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	886.932.300	4.452.740.350	(4.500.013.312)	839.659.338
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.143.785.482	11.407.760.537	(5.436.083.159)	20.115.462.860
Thuế thu nhập cá nhân	39.160.021	(32.356.824)	(42.487.966)	(35.684.769)
Thuế tài nguyên	460.823.599	2.929.633.110	(2.816.739.123)	573.717.586
Tiền thuê đất	-	622.026.179	(624.140.039)	(2.113.860)
Phí bảo vệ môi trường	267.316.301	1.676.477.304	(1.627.247.004)	316.546.601
Các loại thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Cộng	15.798.017.703	21.061.280.656	(15.051.710.603)	21.807.587.756

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.13.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	46.082.891.752	32.814.210.838
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(451.849.800)	(1.750.878.500)
Tổng thu nhập chịu thuế	45.631.041.952	31.063.332.338
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	11.407.760.537	7.765.833.085
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Nghị quyết 30/2008/NQ-CP của Chính phủ	-	(2.329.749.926)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	11.407.760.537	5.436.083.159

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá xây dựng với thuế suất là 2%.

Tiền thuê đất

Công ty nộp theo qui định tại các hợp đồng thuê đất.

Tuy nhiên, theo qui định tại giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư ngày 16 tháng 10 năm 2000 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Công ty được miễn tiền thuê đất 13 năm kể từ khi ký kết hợp đồng thuê đất (ngày 18 tháng 01 năm 2008) đối với diện tích đất thuê để thực hiện dự án đầu tư khai thác và sản xuất đá xây dựng công suất 250.000 m³/ năm tại mỏ đá Núi Gió, tại xã Tân Lợi, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Phí bảo vệ môi trường

Phí bảo vệ môi trường được trích và nộp theo Thông tư 105/2005/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2005.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

23. Phải trả người lao động

Quỹ tiền lương đã trích nhưng chưa chi hết đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010. Quỹ tiền lương được trích dựa theo Quyết định số 19/QĐ-HĐQT.CtyCPHA ngày 14 tháng 10 năm 2008 và Quyết định số 02/QĐ-HĐQT.CtyCPHA ngày 22 tháng 4 năm 2010 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hóa An.

24. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trích trước chi phí phục hồi môi trường	1.040.657.094	1.040.657.094
Chi phí phải trả khác	454.887.857	453.972.682
Cộng	1.495.544.951	1.494.629.776

Chi phí phục hồi môi trường đã được trích theo số liệu đã được chấp thuận tại Công văn 11/TC/TCĐN ngày 08 tháng 01 năm 2004 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai.

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cổ tức cho cổ đông	20.259.063.000	-
Quỹ đào tạo lại người lao động chưa chi	158.506.375	158.506.375
Quỹ Hội đồng quản trị	194.000.000	114.100.000
Kinh phí công đoàn	7.667.004	7.632.364
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	370.000.000	370.000.000
Các khoản phải trả khác	422.941.304	177.710.791
Cộng	21.412.177.683	827.949.530

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	255.463.202	5.500.000.000	(5.152.930.000)	602.533.202
Quỹ phúc lợi	(1.241.271.268)	1.500.000.000	(89.266.583)	169.462.149
Quỹ phúc lợi hình thành tài sản cố định	436.167.000	-	-	436.167.000
Cộng	(549.641.066)	7.000.000.000	(5.242.196.583)	1.208.162.351

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

27. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	1.790.576.615
Trích trong kỳ	-
Chi trong kỳ	(33.197.525)
Số cuối kỳ	1.757.379.090

28. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục đính kèm.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	23.037.870.000	23.037.870.000
Vốn của các cổ đông còn lại	77.958.830.000	77.958.830.000
Thặng dư vốn cổ phần	108.601.176.000	108.601.176.000
Cổ phiếu quỹ	(1.298.220.000)	(1.298.220.000)
Cộng	208.299.656.000	208.299.656.000

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.099.670	10.099.670
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.099.670	10.099.670
- Cổ phiếu phổ thông	10.099.670	10.099.670
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	58.600	58.600
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.041.070	10.041.070
- Cổ phiếu phổ thông	10.041.070	10.041.070
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn kinh doanh của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu thành phẩm (đá) trong kỳ.

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	13.888.723.959	12.280.380.485
Chi phí nhân công	3.597.813.693	2.093.916.045
Chi phí sản xuất chung	58.530.030.243	41.868.209.416
Tổng chi phí sản xuất	76.016.567.895	56.242.505.946
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(8.131.961.425)	(8.091.254.882)
Tổng giá thành sản xuất	67.884.606.470	48.151.251.064
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	(1.760.503.626)	675.989.308
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	66.124.102.844	48.827.240.372

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	551.708.964	175.104.279
Lãi tiền cho vay	916.914.000	921.053.000
Lãi kinh doanh chứng khoán	6.402.403.000	3.355.477.580
Cổ tức, lợi nhuận được chia	451.849.800	1.750.878.500
Lãi góp vốn	140.000.000	100.000.000
Cộng	8.462.875.764	6.302.513.359

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	10.200.000	602.860.843
Chi phí kinh doanh chứng khoán	29.687.876	28.893.170
Lỗ bán chứng khoán	933.360.000	-
Dư phòng giảm giá các khoản đầu tư	101.402.540	-
Phí ngân hàng	1.100.000	-
Cộng	1.075.750.416	631.754.013

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	42.750.000	26.000.000
Chi phí nhân công	1.091.640.448	654.134.475
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.884.002	2.884.002
Chi phí dịch vụ mua ngoài	292.691.266	255.539.583
Chi phí khác	3.106.254.220	2.026.156.948
Cộng	4.536.219.936	2.964.715.008

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.756.000	29.318.000
Chi phí nhân công	2.027.867.735	1.164.919.536
Chi phí khấu hao tài sản cố định	308.309.021	191.072.663
Thuế, phí và lệ phí	3.040.627.139	2.493.336.725
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.638.617	65.565.173
Chi phí khác	2.457.474.546	1.645.499.578
Cộng	7.931.673.058	5.589.711.675

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	34.675.131.215	27.378.127.679
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	34.675.131.215	27.378.127.679
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.041.070	10.041.070
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.453	2.727

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.951.229.959	12.374.084.485
Chi phí nhân công	9.602.163.182	5.569.270.189
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.673.931.679	1.585.942.571
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.910.282.573	36.752.691.425
Chi phí khác	14.346.853.496	8.514.943.959
Cộng	88.484.460.889	64.796.932.629

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, phụ cấp	398.871.000	345.271.000
Tiền thưởng	4.500.000	162.330.000
Cộng	403.371.000	507.601.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Vật liệu xây dựng số 1	Công ty có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Hóa An Cát nhân tạo	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần khoáng sản 5	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Hóa An Cát nhân tạo		
Bán hàng	14.470.929.469	7.991.857.327
Thu tiền hàng	11.850.000.000	8.320.000.000
Lãi góp vốn	140.000.000	100.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 01		
Phải thu lãi cho vay ngắn hạn	434.109.484	434.109.484
Công ty Cổ phần Hóa An Cát nhân tạo		
Phải thu tiền hàng	6.400.994.820	3.780.065.351
Cộng nợ phải thu	6.835.104.304	4.214.174.835

Đồng Nai, ngày 26 tháng 7 năm 2010



Trần Sỹ Phúc
Người lập biểu



Lê Thị Quyết
Kế toán trưởng



Lại Duy Hồng
Tổng Giám đốc

448-C
TY
HỮU H
AN VÀ
AN
5 CHI

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	100.996.700.000	108.601.176.000	(1.298.220.000)	27.383.008.693	5.820.231.098	37.413.240.709	278.916.136.500
Trích lập các quỹ	-	-	-	8.968.459.560	1.870.662.035	(15.939.121.594)	(5.100.000.000)
Trích quỹ khác	-	-	-	-	-	(1.332.264.814)	(1.332.264.814)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(20.141.854.300)	(20.141.854.300)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	67.901.403.159	67.901.403.159
Số dư cuối năm trước	100.996.700.000	108.601.176.000	(1.298.220.000)	36.351.468.253	7.690.893.133	67.901.403.159	320.243.420.545
Số dư đầu năm nay	100.996.700.000	108.601.176.000	(1.298.220.000)	36.351.468.253	7.690.893.133	67.901.403.159	320.243.420.545
Trích lập các quỹ	-	-	-	23.937.367.938	3.395.070.158	(37.660.466.159)	(10.328.028.063)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	(30.240.937.000)	(30.240.937.000)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	34.675.131.215	34.675.131.215
Số dư cuối năm kỳ	100.996.700.000	108.601.176.000	(1.298.220.000)	60.288.836.191	11.085.963.291	34.675.131.215	314.349.586.697